

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 625/2023/HSST

Ngày: 28/12/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Bích Dung

2. Ông Trần Văn Đông

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 915/2023/TLST-HS ngày 07/11/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5579/2023/QĐST-HS ngày 29/11/2023 đối với bị cáo:

Võ Thị T (tên gọi khác: K); giới tính: Nữ; sinh ngày 06/5/1971; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký NKTT: A T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (đã bị xóa nơi thường trú do bán nhà từ năm 1986); chỗ ở: Phòng số 2 nhà số H D, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 01/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; cha: Không rõ (chết); con bà: Lưu Thị A, sinh năm 1941 (chết); chồng: C sống như vợ chồng với ông Tô Thanh H, sinh năm 1967 (chết); con: Có 02 người con chung (lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1991); tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Ngày 28/12/1992, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội “Cướp giật tài sản của công dân” tại bản án hình sự số 303/HS-ST (đã xóa án tích).

+ Ngày 29/11/1993, bị Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành vi “Trộm tài sản của công dân” đưa đi trại trung chuyển lang thang.

+ Ngày 25/6/1996, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản của công dân” tại bản án hình sự số 130/HSST (đã xóa án tích).

+ Ngày 24/6/1999, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù, về tội “Cướp giật tài sản của công dân” tại bản án hình sự số 1247/HS-ST (đã xóa án tích).

+ Ngày 09/5/2003, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” tại bản án hình sự số 700/2003/HSST (đã xóa án tích).

+ Ngày 12/3/2010, bị Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 21/2010/HS-ST (đã chấp hành xong bản án và đương nhiên xóa án tích).

+ Ngày 15/3/2019, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 69/2019/HSST; chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/8/2019 theo Giấy chứng nhận số 638/GCN của Trại giam T2 - Bộ C1 và nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm ngày 24/8/2020 theo Giấy xác nhận số 1042/GXN-CCTHA ngày 03/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức (đã xóa án tích).

- Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2022 đến nay tại Trại tạm giam C, Công an Thành phố H (có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác:

+ Người bào chữa: Ông Nguyễn Văn Q - Luật sư của Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa chỉ định cho bị cáo Võ Thị T (có mặt).

+ Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Chuyên L; sinh năm 1968; thường trú: số B N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 00 giờ 05 phút ngày 23/12/2022, tại trước nhà số C P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an quận B tuần tra, phát hiện Võ Thị T đang điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vario, biển số 59S3-589.87 có biểu hiện nghi vấn nên mời về trụ sở Công an P, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để kiểm tra hành chính. Tại đây, T tự nguyện lấy ma túy cất giấu trên người và trong túi đeo chéo của T giao nộp cho cơ quan Công an, cụ thể: Trong túi áo phía trước có 01 đoạn ống hút nhựa hàn kín hai đầu và 02 gói nylon chứa tổng cộng 3,2609 gam Methamphetamine. Trong túi đeo chéo có: 01 gói nylon, bên trong có 07 gói nylon nhỏ chứa tổng cộng 5,3156 gam Methamphetamine; 01 ví màu đen, bên trong có 06 gói nylon

chứa tổng cộng 19,7634 gam Methamphetamine; 01 ví màu xanh, bên trong có 41 gói nylon chứa tổng cộng 16,7774 gam Methamphetamine; 36 đoạn ống nhựa được hàn kín hai đầu chứa tổng cộng 7,3804 gam Methamphetamine. T khai nhận toàn bộ là ma túy cất giấu để bán cho người khác nên Tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T, về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngoài ra, còn thu giữ của T: 01 xe mô tô hiệu Honda Vario, biển số 59S3-589.87; 02 điện thoại di động hiệu Nokia; 01 điện thoại di động hiệu Samsung; 1.000.000 đồng tiền Việt Nam; 01 túi đeo chéo màu đen có in chữ “19C-196K”; 01 ví màu xanh; 01 ví màu đen; 01 túi hoa văn đựng 04 nỏ thủy tinh (bút lục số 99-101).

Đến lúc 01 giờ 00 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Võ Thị T tại Phòng trọ số 2 nhà số H D, Phường E, quận G thu giữ: 01 hộp kim loại bên ngoài in chữ “The Luncheon meat” đựng 01 gói nylon chứa 24,9621 gam Methamphetamine (do T tự lấy trong tủ gỗ ra giao nộp); 01 hộp giấy màu cam đen đựng 02 gói nylon và 01 đoạn ống nhựa hàn kín hai đầu chứa tổng cộng 0,7314 gam Methamphetamine. Ngoài ra, còn thu giữ 50 gói nylon và 20 đoạn ống nhựa bên trong không chứa gì; 01 cái kéo; 01 hộp quẹt gas; 01 muỗng; 02 đoạn ống nhựa lớn bị cắt xéo một đầu; 01 cân điện tử; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy “đá” (bút lục số 105-107).

Tất cả vật chứng là ma túy thu giữ của Võ Thị T đã được giám định, kết quả thể hiện tại bản Kết luận giám định số 214/KL-KTHS ngày 30/12/2022 của Phòng K1 (PC09), Công an Thành phố H (bút lục số 172-173).

Quá trình điều tra, đã xác định hành vi phạm tội của bị cáo Võ Thị T như sau:

Võ Thị T đã sử dụng ma túy tổng hợp (dạng “đá” - Methamphetamine) từ năm 2019. Sau đó, T nảy sinh ý định mua ma túy bán lại kiếm lời. Nguồn ma túy, T mua của đối tượng tên D (không rõ lai lịch) tại khu vực ngã tư Q, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, T quen D khi cùng chấp hành án phạt tù tại Trại giam T2 (Z) - Bộ C1 vào năm 2018. T đã mua ma túy của D 02 lần để bán, loại tổng hợp (dạng “đá” - Methamphetamine), địa điểm giao nhận ma túy tại khu vực ngã tư Q, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cụ thể:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 16/12/2022, T mua 3.000.000 đồng ma túy, thanh toán bằng tiền mặt, mang về nơi ở phân chia bán lại cho người khác. Ngày 21/12/2022, T đã bán cho một người tên T1 (không rõ lai lịch) 01 gói ma túy khoảng 0,3 gam, giá 300.000 đồng, thu lợi bất chính 100.000 đồng, T sử dụng hết khoảng 0,4 gam, số ma túy còn lại chưa bán được thì bị thu giữ khi Công an khám xét nơi ở của T.

- Lần thứ hai: Đến ngày 22/12/2022, T tiếp tục mua 19.000.000 đồng ma túy (khoảng 65 gam), T cũng trả tiền mặt cho D một lần; sau đó T phân chia, cất giấu trong người và túi đeo để bán thì bị bắt quả tang như nêu trên.

Đối với đối tượng D bán ma túy cho T, đối tượng T1 mua ma túy của T, do bị can khai không rõ về nhân thân, lai lịch và địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở điều tra, xác minh làm rõ để xử lý.

+ Vật chứng vụ án: đã được liệt kê thể hiện tại Phiếu nhập kho vật chứng số 172/PNK/2023 ngày 25/4/2023 của Phòng Cảnh sát Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp (PC10), Công an Thành phố H.

Tại bản Cáo trạng số 458/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 25/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử đối với bị cáo Võ Thị T, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố; sau khi tóm tắt nội dung vụ án, trình bày lời luận tội để đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, các tình tiết định khung, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo; đã khẳng định bản Cáo trạng truy tố để xét xử đối với bị cáo Võ Thị T về tội danh, điểm, khoản và điều luật truy tố đã viện dẫn là có căn cứ pháp luật. Theo đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên phạt: bị cáo Võ Thị T từ 18 năm đến 19 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; phạt bổ sung 10 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

- Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và xử lý vật chứng là đồ vật, tài sản theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bào chữa cho bị cáo Võ Thị T, luật sư thống nhất với nội dung vụ án, tội danh và khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố nên không tranh luận. Luật sư chỉ phân tích về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị xem xét về hình phạt. Cụ thể: bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “tự thú”, đã tự giác lấy ma túy giao nộp khi bị kiểm tra hành chính và khi khám xét, thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo có trình độ văn hóa thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn, lại không có nơi cư trú và nghề nghiệp ổn định dẫn đến việc đưa đẩy vào con đường phạm tội; ma túy là vật chứng trong vụ án đã được thu hồi, chưa phát tán ra xã hội nên hậu quả phần nào đã được ngăn chặn. Do đó, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 3 Bộ luật Hình sự 2015 quy định về nguyên tắc xử lý trách nhiệm hình sự, cho bị cáo Võ Thị T hưởng mức án khoan hồng.

Bị cáo Võ Thị T đồng ý với quan điểm của luật sư bào chữa cho mình và không tranh luận, bào chữa bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cán bộ điều tra (Cơ quan CSĐT Công an quận B và Cơ quan CSĐT Công an Thành Công an Thành phố H), Kiểm sát viên và người bào chữa trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; tại phiên tòa, bị cáo Võ Thị T thừa nhận trong giai đoạn điều tra tự nguyện khai báo, bị cáo và người bào chữa đều không có khiếu nại trong các giai đoạn tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và Cơ quan tiến hành tố tụng nêu trên đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Võ Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” của mình và đã tự nguyện giao nộp ma túy khi bị kiểm tra hành chính và khám xét thì bị bắt quả tang thu giữ cùng vật chứng; lời khai nhận của bị cáo phù hợp với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố.

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo Võ Thị T tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và lời khai tại phần xét hỏi công khai tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, các biên bản (tạm giữ đồ vật - tài liệu; niêm phong và mở niêm phong vật chứng), bản kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến; cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Vật chứng là ma túy thu giữ của bị cáo trong vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định, kết quả được thể hiện tại bản Kết luận giám định số 214/KL-KTHS ngày 30/12/2022 của Phòng K1 (PC09), Công an Thành phố H (bút lục số 172-173).

Xét, đã có đủ cơ sở để kết luận: Do nghiện ma túy, muốn có tiền tiêu xài và ma túy để sử dụng. Bị cáo Võ Thị T đã thực hiện hành vi cất giấu trái phép tổng cộng 78,1922 gam Methamphetamine nhằm mục đích bán cho người khác để kiếm lời thì bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ cùng vật chứng vào ngày 23/12/2022. Trong đó: khi bị kiểm tra hành chính, bị cáo tự nguyện giao nộp thu giữ 52,4977 gam Methamphetamine và khám xét khẩn cấp chỗ ở thu giữ 25,6935 gam Methamphetamine.

Như vậy, với khối lượng chất ma túy ở thể rắn dùng để mua bán trái phép và hành vi nêu trên của bị cáo Võ Thị T, đã phạm vào tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” - tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); thuộc trường hợp “*Methamphetamine có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam*”.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Võ Thị T là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma

túy, là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm về ma túy và tệ nạn xã hội khác, trực tiếp gieo rắc “cái chết trắng” cho xã hội và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng do nghiện ma túy, với động cơ tư lợi bất chính vẫn bất chấp sự nghiêm cấm của Nhà nước và pháp luật xử phạt nghiêm khắc để cố ý phạm tội.

Xét về nhân thân: bị cáo Võ Thị T có nhân thân rất xấu, liên tục phạm các tội về chiếm đoạt tài sản và bị xét xử trong khoảng thời gian từ năm 1992 đến năm 2019 (đã được đương nhiên xóa án tích); bị cáo mới chấp hành xong hình phạt tù lần cuối vào tháng 8/2020, lại tiếp tục phạm tội đặc biệt nghiêm trọng trong vụ án này, thể hiện thái độ xem thường pháp luật.

Do đó, về hình phạt đặt ra phải nghiêm minh, cần có một thời gian đủ dài cách ly xã hội mới đủ tác dụng của hình phạt đối với bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh và phòng ngừa tội phạm chung. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, cũng phần nào thể hiện sự ăn năn hối cải; đã tự thú về hành vi phạm tội của mình; đề xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Võ Thị T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” để thu lợi bất chính nên cần căn cứ vào khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), buộc bị cáo nộp phạt một khoản tiền nhất định để sung quỹ Nhà nước.

[5]. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử đối với bị cáo Võ Thị T, về tội danh, điểm, khoản và điều luật viện dẫn là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai; mức hình phạt đề nghị xử phạt đối với bị cáo là có căn cứ nên được chấp nhận.

Lập luận nêu trên của Hội đồng xét xử cũng là căn cứ để chấp nhận và không chấp nhận quan điểm bào chữa của luật sư về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối bị cáo Võ Thị Tuyết .

[6]. Về vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xét:

- 07 (bảy) gói giấy có ghi vụ số 66/23 (214) được niêm phong sau giám định có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Thanh Đ; Điều tra viên Vũ Đình H1, bên trong là chất ma túy còn lại sau giám định (gói 1-7): Là chất độc hại cấm tuyệt đối tàng trữ, lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- Vật chứng là các đồ vật không có giá trị sử dụng và bị cáo dùng để cất giấu, phân chia, sử dụng ma túy nên tịch thu tiêu hủy toàn bộ, gồm:

- + 01 (một) ví màu đen; 01 (một) ví màu xanh; 01 (một) hộp kim loại bên ngoài in chữ “The Lucncheon meat”; 01 (một) hộp gỗ màu nâu; 01 (một) hộp giấy màu cam đen; 50 (năm mươi) gói nylon và 20 (hai mươi) đoạn ống nhựa,

bên trong không chứa gì; 01 (một) cây kéo; 01(một) hộp quẹt ga; 01 (một) muỗng; 02 (hai) đoạn ống nhựa lớn bị cắt xéo một đầu; 01 (một) cân điện tử; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; 01 túi hoa văn đựng 04 nỏ thủy tinh.

- 01 điện thoại di động hiệu S, 02 điện thoại di động hiệu NoKia và số tiền 1.000.000 đồng: Qua điều tra, là tài sản cá nhân và không chứng minh liên quan tội phạm nên trả lại cho bị cáo Võ Thị T - nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án về tài sản.

- Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vario, biển số: 59S3-589.87; số khung: MH1JM4117MK803450; số máy: JM41E - 1802873. Kết quả giám định số khung, số máy không thay đổi. Kết quả xác minh, xe do chị Trần Chuyên L (sinh năm 1968; thường trú: 2 N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) là bạn của bị can Võ Thị T đứng tên chủ sở hữu. Chị L và T khai nhận phù hợp với nhau về việc T là người mua xe, nhờ chị L đứng tên do T không có hộ khẩu và căn cước công dân (phù hợp với kết quả xác minh nhân thân của T). Sau khi mua xe thì T giữ giấy đăng ký xe, sử dụng xe làm gì chị L không biết.

Ngày 23/12/2022, bị cáo sử dụng xe máy nêu trên làm phương tiện phạm tội đi mua bán ma túy nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8]. Kiến nghị: Tại phiên tòa, Võ Thị T khai khối lượng ma túy bị thu giữ có nguồn gốc mua của đối tượng tên D (không rõ lai lịch) tại khu vực ngã tư Q, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; T quen biết với D trong thời gian T chấp hành hình phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 69/2019/HSST ngày 15/3/2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức (nay là thành phố T) tại Trại giam T2 (Z30D-K3) Bộ C1 vào năm 2019 chứ không phải năm 2018 như lời khai tại Cơ quan điều tra. Trong đó, T ở Đội Cá 16.K3, còn D ở Đội làm mộc K3 và T có thể nhận dạng được D. Do đó, kiến nghị Cơ quan CSĐT (PC04) Công an Thành phố H tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ, nếu đủ cơ sở thì xử lý theo quy định của pháp luật, tránh bỏ lọt tội phạm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; các điểm r,s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: Bị cáo Võ Thị T 18 (mười tám) năm tù, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 23/12/2022.

- Phạt bổ sung bị cáo Võ Thị T 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

2.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 07 (bảy) gói giấy có ghi vụ số 66/23 (214) được niêm phong sau giám định có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Thanh Đ; Điều tra viên Vũ Đình H1, bên trong là chất ma túy còn lại sau giám định (gói 1-7).

- 01 (một) ví màu đen; 01 (một) ví màu xanh; 01 (một) hộp kim loại in chữ “The Lucncheon meat”; 01 (một) hộp gỗ màu nâu; 01 (một) hộp giấy màu cam đen; 50 (năm mươi) gói nylon và 20 (hai mươi) đoạn ống nhựa; 01 (một) cái kéo; 01 (một) hộp quét ga; 01 (một) muỗng; 02 (hai) đoạn ống nhựa lớn bị cắt xéo một đầu; 01 (một) cân điện tử; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; 01 (một) túi hoa văn đựng 04 quả thủy tinh.

2.2. Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 (một) xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu Honda; Số loại: Vario 125; Dung tích xi lanh: 124,88; biển số: 59S3 – 58.987; số khung: MH1JM4117MK803450; số máy: JM41E1802873 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra).

2.3. Trả lại cho bị cáo Võ Thị T: 01 điện thoại di động hiệu S (màn hình bể, không kiểm tra đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong); 02 (hai) điện thoại di động hiệu NoKia (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong) và số tiền 1.000.000 đồng, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án về tài sản.

(Vật chứng và tiền: theo Biên bản tang tài vật số NK:2023/485 ngày 13/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy nộp tiền ngày 19/4/2023 Ngân hàng TMCP C2)

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015; Luật phí và Lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng. Nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Trần Chuyên L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại tạm giam; (1)
- Người bào chữa; (1)
- Đương sự; (1)
- THAHS TP.HCM; (2)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (26) (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuấn Anh